

PHỤ LỤC 01

DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
(KHÔNG BAO GỒM CÁC DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ DỰ ÁN ODA - VỐN NƯỚC NGOÀI)

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2026 của UBND xã Sơn Cẩm Hà)

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025				Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030						Bổ sung thông tin dự án	
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)						Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Phân theo chi phí		Sự cần thiết đầu tư (ngắn gọn)		
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí		NSTW	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã		NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã	Xây lắp	ĐB, GPMB			
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác	Xây lắp												ĐB, GPMB	
	TỔNG CỘNG						1,065,184	2,548	782,594	279,795	247	1,002,023	63,161	57,218	10,302	8,223	38,694	999,528	-	759,806	239,722	947,145	52,383		
I	DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHỦ ĐỘNG						270,464	2,548	25,098	242,571	247	251,527	18,937	57,218	10,302	8,223	38,694	204,808	-	5,310	199,498	196,649	8,159		
A	NGÀNH, LĨNH VỰC						270,464	2,548	25,098	242,571	247	251,527	18,937	57,218	10,302	8,223	38,694	204,808	-	5,310	199,498	196,649	8,159		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						99,930	2,548	22,408	74,727	247	89,152	10,778	57,218	10,302	8,223	38,694	34,274	-	2,620	31,654	34,274	-		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						170,534	-	2,690	167,844	-	162,375	8,159	-	-	-	-	170,534	-	2,690	167,844	162,375	8,159		
1	QUỐC PHÒNG						5,000	-		5,000		4,700	300	0	0		0	5000	0		5000	4700	300		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						5,000	0	0	5,000	0	4,700	300	0	0	0	0	5,000	0		5,000	4,700	300		
b1	Thao trường huấn luyện quân sự xã	xã Sơn Cẩm Hà					5,000			5,000		4,700	300					5,000			5,000	4,700	300	Đáp ứng nhu cầu huấn luyện quân sự	
2	AN NINH TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN XH						4,486	-		4,486		4,486	-	3,994	-		3,994	492	-		492	492	-		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						4,486	-		4,486		4,486	-	3,994	-		3,994	492	-		492	492	-		
1	Trụ sở làm việc công an xã Tiên Hà	xã Sơn Cẩm Hà	7004692	041		673-05/3/2024	4,486			4,486		4,486	-	3,994			3,994	492			492	492			
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030																								
3	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC DẠY NGHỀ						55,859	-	-	55,859	-	48,000	7,859	2,300	-	-	2,300	53,559	-	-	53,559	45,700	7,859		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						9,000	-		9,000		9,000	-	2,300	-		2,300	6,700	-		6,700	6,700	-		
a1	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	xã Sơn Cẩm Hà	8148328	072		1579-29/4/2025	9,000			9,000		9,000		2,300			2,300	6,700			6,700	6,700			
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						46,859	-	-	46,859	-	39,000	7,859	-	-	-	-	46,859	-	-	46,859	39,000	7,859		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)							Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Bổ sung thông tin dự án			
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)						Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Phân theo chi phí		Sự cần thiết đầu tư (ngắn gọn)	
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí		NSTW	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã		NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã	Xây lắp	ĐB, GPMB		
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác	Xây lắp												ĐB, GPMB
b1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT615 qua trung tâm xã	xã Sơn Cẩm Hà				100-30/01/2026	2,997			2,997					2,997				2,997		2,997			
b2	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án xây mới trường tiểu học & THCS Nguyễn Du	xã Sơn Cẩm Hà				101-30/01/2026	2,862			2,862					2,862				2,862		2,862			
b3	Xây mới nhà thi đấu trường THCS Nguyễn Trãi	xã Sơn Cẩm Hà				274-17/3/2026	5,000			5,000	-	5,000			5,000				5,000	5,000				
b4	Xây dựng Tiểu học Nguyễn Cỏ	xã Sơn Cẩm Hà					10,000			10,000	0	10,000.000	0.000		10,000				10,000	10,000	0.000	Đáp ứng nhu cầu dạy và học, đảm bảo tiêu chí giáo dục		
b5	Xây dựng Tiểu học Tiên Châu	xã Sơn Cẩm Hà					6,000			6,000	0	6,000.000	0.000		6,000				6,000	6,000	0.000	Đáp ứng nhu cầu dạy và học, đảm bảo tiêu chí giáo dục		
b6	Xây dựng Mẫu giáo Tuổi Thơ cơ sở 1	xã Sơn Cẩm Hà					4,000			4,000	0	3,000.000	1,000.000		4,000				4,000	3,000	1,000.000	Đáp ứng nhu cầu dạy và học, đảm bảo tiêu chí giáo dục		
b7	Xây dựng Mẫu giáo Tuổi Thơ cơ sở 2	xã Sơn Cẩm Hà					6,000			6,000	0	5,000.000	1,000.000		6,000				6,000	5,000	1,000.000	Đáp ứng nhu cầu dạy và học, đảm bảo tiêu chí giáo dục		
b8	Xây dựng phòng làm việc trường Mẫu giáo Tiên Châu	xã Sơn Cẩm Hà					2,000			2,000	0	2,000	0.000		2,000				2,000	2,000	0.000	Đáp ứng nhu cầu dạy và học, đảm bảo tiêu chí giáo dục		
b9	Xây dựng bổ sung phòng học, cải tạo sân thể thao THCS Lê Cơ	xã Sơn Cẩm Hà					4,000			4,000	0	4,000.000	0.000		4,000				4,000	4,000	0.000	Đáp ứng nhu cầu dạy và học, đảm bảo tiêu chí giáo dục		
b10	Xây dựng sân THCS Lê Hồng Phong	xã Sơn Cẩm Hà					2,000			2,000	0	2,000.000	0.000		2,000				2,000	2,000	0.000	Đáp ứng nhu cầu dạy và học, đảm bảo tiêu chí giáo dục		
b11	Xây dựng sân thể thao, tường rào, thư viện trường THCS Nguyễn Trãi	xã Sơn Cẩm Hà					2,000			2,000	0	2,000.000	0.000		2,000				2,000	2,000	0.000	Đáp ứng nhu cầu dạy và học, đảm bảo tiêu chí giáo dục		
4	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ																							
5	Y TẾ - DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH																							
6	VĂN HÓA - THÔNG TIN						46,238	800	150	45,263	25	45,338	900	9,996	800	82	9,114	36,175	-	26	36,149	36,175	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						15,238	800	150	14,263	25	14,338	900	9,996	800	82	9,114	5,175	-	26	5,149	5,175	-	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)							Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Bổ sung thông tin dự án (nếu có)			
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)						Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí		
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí		NSTW	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã		NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã		Xây lắp	ĐB, GPMB	
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác	Xây lắp												ĐB, GPMB
a1	Tôn tạo khu di tích lịch sử Đồng Trai, huyện Tiên Phước (dự án nâng cấp, tôn tạo khu di tích lịch sử vụ thăm sát Đồng Trai, huyện Tiên Phước)	xã Sơn Cẩm Hà	7958111	161	2022-2026	79-30/5/2022	14,238.00			14,238.00		13,338	900	9,114			9,114	5,124			5,124	5,124		
a2	Chỉnh trang khuôn viên Đình làng Hồi An	xã Sơn Cẩm Hà		161			1,000	800	150	25	25	1,000		882	800	82		51		26.386	25.000	51		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						31,000	-	-	31,000	-	31,000	-	-	-	-	-	31,000	-		31,000	31,000	-	
b1	Nâng cấp Di tích Chứng tích Vụ Thăm sát Gò Văng	xã Sơn Cẩm Hà					5,000			5,000		5,000					5,000			5,000	5,000	0.000	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b2	Nâng cấp Di tích Lò Chén Phú Lâm	xã Sơn Cẩm Hà					2,000			2,000		2,000					2,000			2,000	2,000	0.000	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b3	Nâng cấp Di tích Nền Trường Tân học Phú Lâm	xã Sơn Cẩm Hà					2,000			2,000		2,000					2,000			2,000	2,000	0.000	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b4	Nâng cấp Di tích Chiến thắng Núi Ngang	xã Sơn Cẩm Hà					5,000			5,000		5,000					5,000			5,000	5,000	0.000	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b5	Nâng cấp Khu Di tích tỉnh ủy Quảng Nam	xã Sơn Cẩm Hà					5,000			5,000		5,000					5,000			5,000	5,000	0.000	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b6	Xây dựng 04 công chào trên địa bàn xã	xã Sơn Cẩm Hà					4,000			4,000		4,000					4,000			4,000	4,000	0.000	Đáp ứng nhu cầu của địa phương sau khi sáp nhập	
b7	Nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ Tiên Châu	xã Sơn Cẩm Hà					2,000			2,000		2,000					2,000			2,000	2,000	0.000	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b8	Nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ Tiên Hà	xã Sơn Cẩm Hà					2,000			2,000		2,000					2,000			2,000	2,000	0.000	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b9	Nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ Tiên Cẩm	xã Sơn Cẩm Hà					2,000			2,000		2,000					2,000			2,000	2,000	0.000	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b10	Nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ Tiên Sơn	xã Sơn Cẩm Hà					2,000			2,000		2,000					2,000			2,000	2,000	0.000	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						-	-		-		-	-	-	-		-	-		-	-	-		
7	PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH																							
8	THỂ DỤC THỂ THAO						-	-		-		-	-	-	-		-	-		-	-	-		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-		-		-	-	-	-		-	-		-	-	-		
							-							-										

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)							Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030						Bổ sung thông tin để hoàn thiện hồ sơ dự án		
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)					Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Phân theo chi phí				
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn					Phân theo chi phí		NSTW		Ngân sách thành phố	Ngân sách xã	NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã		Xây lắp	ĐB, GPMB
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác		Xây lắp	ĐB, GPMB										
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030																							
9	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						33,524	-	13,524	20,000	-	30,524	3,000	4,679	2,679	2,000	-	20,700	-	-	20,700	20,700	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						13,524	-	13,524	-	-	10,524	3,000	4,679	2,679	2,000	-	700	-	-	700	700	-	
1	Khu xử lý rác thải Tiên Hà	xã Sơn Cẩm Hà	7913269		2021-2026	2902-20/9/2023	13,523.558		13,523.558			10,524	3,000	4,679	2,679	2,000		700		-	700	700		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						20,000	-	-	20,000	-	20,000	-	-	-	-	-	20,000	-		20,000	20,000	-	
b1	Nâng cấp Nghĩa trang nhân dân Tiên Châu (cũ)	xã Sơn Cẩm Hà					5,000			5,000		5,000						5,000			5,000	5,000	0	Đáp ứng nhu cầu mai táng của Nhân dân
b2	Nâng cấp Nghĩa trang nhân dân Tiên Cẩm (cũ)	xã Sơn Cẩm Hà					5,000			5,000		5,000						5,000			5,000	5,000	0	Đáp ứng nhu cầu mai táng của Nhân dân
b3	Nâng cấp Nghĩa trang nhân dân Tiên Hà (cũ)	xã Sơn Cẩm Hà					5,000			5,000		5,000						5,000			5,000	5,000	0	Đáp ứng nhu cầu mai táng của Nhân dân
b4	Hệ thống xử lý nước thải chợ, khu dân cư trung tâm xã	xã Sơn Cẩm Hà					5,000			5,000		5,000						5,000			5,000	5,000	0	Đảm bảo vệ sinh môi trường khu dân cư, gắn với xây dựng xã NTM nâng cao
10	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						125,358	1,748	11,425	111,963	222	118,480	6,878	36,249	6,823	6,141	23,285	88,882	-	5,284	83,598	88,882	-	
10.1	NÔNG - LÂM - DIỆM NGHIỆP																							
10.2	THỦY LỢI - THỦY SẢN						22,419	-	7,062	15,357	-	22,419	-	4,514	-	4,514	-	17,905	-	2,548	15,357	17,905	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						7,062	-	7,062	-	-	7,062	-	4,514	-	4,514	-	2,548	-	2,548	-	2,548		
a1	Trạm bơm Tiên Trảng	xã Sơn Cẩm Hà	8048122	283	2024-2025		2,669.961		2,669.961			2,669.961		2,357.801		2,357.801		312.160		312.160	0.000	312.160		
a2	Trạm bơm điện bơm từ sông Tiên (đặt tại Tiên Hà)			283	2024-2026	5899-05/12/2024	4,392.179		4,392.179			4,392.179		2,156.391		2,156.391		2,235.788		2,235.788		2,235.788		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						15,357	-	-	15,357	-	15,357	-	-	-	-	-	15,357	-	-	15,357	15,357		
b1	Nâng cấp Đập Láng	xã Sơn Cẩm Hà		283	2026	60-26/01/2026	2,000			2,000		2,000						2,000			2,000	2,000		
b2	Nâng cấp đập Thanh Tân	xã Sơn Cẩm Hà					1,162			1,162		1,162						1,162			1,162	1,162	0	Phục vụ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của Nhân dân
b3	Kiên cố hóa kênh mương trên địa bàn xã (chỉ tiết theo danh mục đính kèm)	xã Sơn Cẩm Hà					12,195			12,195		12,195						12,195			12,195	12,195	0	Phục vụ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của Nhân dân

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)							Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2025				Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030						Bổ sung thông tin để	
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)						Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Phân theo chi phí			
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí		NSTW	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã		NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã	Xây lắp	ĐB, GPMB		
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác	Xây lắp												ĐB, GPMB
10.3	CÔNG NGHIỆP						8,200	-	-	8,200	-	8,200	-	-	-	-	8,200	-		8,200	8,200	-		
b	Dự án khôi công mới giai đoạn 2026-2030						8,200	-	-	8,200	-	8,200	-	-	-	-	8,200	-		8,200	8,200	-		
b1	Hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến đường ĐH6	xã Sơn Cẩm Hà					7,000			7,000		7,000					7,000			7,000	7,000	0		
b2	Hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến đường ĐH8	xã Sơn Cẩm Hà					1,200			1,200		1,200					1,200			1,200	1,200	0		
10.4	ĐÌNH CANH, ĐÌNH CƯ																							
10.5	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						76,311	1,748	4,362	69,978	222	69,433	6,878	31,735	6,823	1,626	23,285	44,349	-	2,736	41,613	44,349	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						50,621	1,748	1,672	46,978	222	43,743	6,878	31,735	6,823	1,626	23,285	18,659	-	46	18,613	18,659	-	
a1	Đường vào khu sản xuất Tiên Châu, huyện Tiên Phước	xã Sơn Cẩm Hà	7894521	292	2021-2026	1086-20/4/2021	22,587.67			22,587.67		16,709.67	5,878	11,112.2			11,112.2	11,475			11,475	11,475		
a2	Nâng cấp đường ĐH15 TP (Tiên Cẩm - Tiên Hà giai đoạn 2)	xã Sơn Cẩm Hà	7952146	292	2022-2026	769-29/3/2022	14,972			14,972		13,972	1,000	9,615	5,075		4,540	5,357			5,357	5,357	-	
a3	Hoàn chỉnh ĐH13 (giai đoạn 1)	xã Sơn Cẩm Hà	8073170	292	2024-2026	113-12/01/2024	6,590			6,590		6,590	-	5,681			5,681	909			909	909		
a4	Hoàn chỉnh ĐH15	xã Sơn Cẩm Hà	8074022	292	2024-2025	194-19/01/2024	2,660			2,660		2,660	-	1,952			1,952	707			707	707		
a5	BTH ngô xóm tuyến ông Tuấn ông Thám thôn Cẩm Phổ	xã Sơn Cẩm Hà	8152584	292		118/16/05/2025	149.021	105.336	29.804	3.000	10.881	149.021		135.140	105.336	29.804		2.500			2.500	2.500		
a6	BTH ngô xóm tuyến ông Phi ông Hoàng thôn Cẩm Lành	xã Sơn Cẩm Hà	8152585	292		117-16/5/2025	148.245	105.336	29.649	3.000	10.260	148.245		134.985	105.336	29.649		2.500			2.500	2.500		
a7	BTH GTNT ngô xóm tuyến ĐX 3 đi chỉ bộ đầu tiên xã Tiên Sơn tại thôn 5	xã Sơn Cẩm Hà	8152946	292		123-21/5/2025	304.507	222.264	60.907	3.000	18.336	304.507		283.171	222.264	60.907		2.500			2.500	2.500		
a8	Điện chiếu sáng ĐX 2 đoạn ông Võ Văn Sáu - ông Tùy	xã Sơn Cẩm Hà	8152940	292		124-23/5/2025	142.876	128.588	7.144	4.000	3.144	142.876		135.732	128.588	7.144		0.182			0.182	0.182		
a9	Bê tông hóa GTNT tuyến ông Mạnh đi bà Hương	xã Sơn Cẩm Hà	8147105	292		84-25/4/2025	276.407		241.000	24.785	10.622	276.407		241.000	-	241.000		24.285			24.285	24.285		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)							Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Bổ sung thông tin dự án (nếu có)			
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)						Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí		
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí		NSTW	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã		NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã		Xây lắp	ĐB, GPMB	
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác	Xây lắp												ĐB, GPMB
a10	Bê tông GTNT tuyến ông Tân đi ông Hòa	xã Sơn Cẩm Hà	8146198	292		64-11/4/2025	644.067		573.000	49.747	21.320	644.067		573.000	-	573.000		49.747			49.747	49.747		
a11	BTH tuyến Hóc dó đi ông Thông	xã Sơn Cẩm Hà	8150483	292		89-39/4/2025	310.565	213.209	62.113	10.573	24.670	310.565		275.322	213.209	62.113		10.073			10.073	10.073		
a12	Bê tông GTNT tuyến ông Thông đi Rừng Làng	xã Sơn Cẩm Hà	8150482	292		88-29/4/2025	750.741	516.146	150.148	25.334	59.113	750.741		666.294	516.146	150.148		24.834			24.834	24.834		
a13	BTH ngõ xóm tuyến ông Chúc đi ông Lịch	xã Sơn Cẩm Hà	8148955	292		81-25/4/2025	431.582		388.000	22.000	21.582	431.582		388	-	388		21.582			21.582	21.582		
a14	Xây dựng bổ sung bê tông hóa đoạn bà An đi ông Đăng để thông thương tuyến 6 Sự đi Dầu Lai thôn 1	xã Sơn Cẩm Hà		292			423.361	296.352	84.672	-	42.337	423.361		381.024	296.352	84.672		2.500			2.500	2.5		
a15	Sửa chữa tuyến ĐX1, đoạn từ nhà ông Nguyễn Đức Thảo đến ông Nguyễn Phúc Danh, thôn 2 (Tiền Sơn cũ)	xã Sơn Cẩm Hà		292		883-14/11/2025	230	160.945	46	23.055		230		160.945	160.945	-	-	69		46	23	69		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						25,690	-	2,690	23,000	-	25,690	-	-	-	-	-	25,690	-	2,690	23,000	25,690	-	
b1	Nâng cấp tuyến ĐX 1.Tiền Sơn (từ ĐT 614 đi dốc Đá Trắng)	xã Sơn Cẩm Hà				190-26/02/2026	2,145		745	1,400		2,145						2,145		745	1,400	2,145		
b2	Nâng cấp tuyến ĐX 2.Tiền Sơn (từ ĐT 614 đi NVH thôn 4)	xã Sơn Cẩm Hà				192-26/02/2026	2,475		875	1,600		2,475						2,475		875	1,600	2,475		
b3	Nâng cấp tuyến ĐX3. Tiền Sơn (từ ĐT 614 đi ông Tham)	xã Sơn Cẩm Hà				191-26/02/2026	2,245		745	1,500		2,245						2,245		745	1,500	2,245		
b4	Nâng cấp tuyến ĐX1. Tiền Cẩm (từ ông Tịnh đi ông Liễu)	xã Sơn Cẩm Hà				193-26/02/2026	825		325	500		825						825		325	500	825		
b5	Cầu Đáp Giang	xã Sơn Cẩm Hà					9,000			9,000		9,000	0					9,000			9,000	9,000	0	Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa
b6	Cầu Đáp Chảo	xã Sơn Cẩm Hà					9,000			9,000		9,000	0					9,000			9,000	9,000	0	Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa
10.6	CÁP, THOÁT NƯỚC						-	-		-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-		-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
							-						-	-				-					-	
10.7	HẠ TẦNG KỸ THUẬT, KDC						18,428	-		18,428		18,428	-	-	-		-	18,428	-		18,428	18,428	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-		-		-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025				Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Bổ sung thông tin để đánh giá dự án			
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)					Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Phân theo chi phí				
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn					Phân theo chi phí		NSTW		Ngân sách thành phố	Ngân sách xã	NSTW	NS thành phố		Ngân sách xã	Xây lắp	ĐB, GPMB
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác		Xây lắp	ĐB, GPMB										
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						18,428	-	-	18,428	-	18,428	-	-	-	-	18,428	-	-	18,428	18,428	-		
b1	Hệ thống điện chiếu sáng qua khu trung tâm xã trên tuyến ĐT615	xã Sơn Cẩm Hà				18-14/01/2026	9,000			9,000		9,000					9,000			9,000	9,000			
b2	Hệ thống điện chiếu sáng qua khu trung tâm xã trên tuyến ĐT614	xã Sơn Cẩm Hà				19-14/01/2026	8,000			8,000		8,000					8,000			8,000	8,000			
b3	Đèn tín hiệu nút giao thông	xã Sơn Cẩm Hà				61/28/01-/2026	1,428			1,428		1,428					1,428			1,428	1,428			
10.8	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN																							
10.9	THƯƠNG MẠI																-	-	-	-	-	-		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																							
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
9	DU LỊCH						-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																							
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
11	HOẠT ĐỘNG QLNN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ HỘI ĐOÀN THỂ						-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030																							
12	BẢO ĐẢM XÃ HỘI						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	Dự án ckhởi công mới giai đoạn 2026-2030						-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
II	DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN TRIỂN KHAI KHI PHÁT SINH NGUỒN						794,720	-	757,496	37,224	-	750,496	44,224	-	-	-	794,720	-	754,496	40,224	750,496	44,224		
A	NGÀNH, LĨNH VỰC						794,720	-	757,496	37,224		750,496	44,224	-	-	-	-	794,720	-	754,496	40,224	750,496	44,224	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						794,720	-	757,496	37,224		750,496	44,224	-	-	-	794,720	-	754,496	40,224	750,496	44,224		
1	QUỐC PHÒNG						-	-	-			-	0	0	0	0	-	-	-	-	-	-		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	AN NINH TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN XH						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030																							
3	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC DẠY NGHỀ						43,000	-	40,000	3,000		40,000	3,000	-	-	-	43,000	-	40,000	3,000	40,000	3,000		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)							Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030						Bổ sung thông tin dự án (nếu có)		
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)						Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Phân theo chi phí			
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí		NSTW	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã		NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã	Xây lắp		ĐB, GPMB	
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác	Xây lắp												ĐB, GPMB
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030					43,000	-	40,000	3,000		40,000	3,000	-	-	-	-	43,000	-	40,000	3,000	40,000	3,000		
b1	Xây dựng trường Mẫu giáo Tiên Hà	xã Sơn Cẩm Hà				12,000	0	12,000			12,000	0					12,000		12,000		12,000	0	Đáp ứng nhu cầu dạy và học, đảm bảo tiêu chí giáo dục	
b2	Xây mới trường TH-THCS Nguyễn Du	xã Sơn Cẩm Hà				31,000		28,000	3,000		28,000	3,000					31,000		28,000	3,000	28,000	3,000	Đáp ứng nhu cầu dạy và học, đảm bảo tiêu chí giáo dục	
4	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ																							
5	Y TẾ - DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH																							
6	VĂN HÓA - THÔNG TIN					105,000	-	105,000			105,000	-	-	-	-		105,000	-	105,000	-	105,000	-		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030					-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030					105,000	-	105,000	-		105,000	-	-	-	-		105,000	-	105,000		105,000	-		
b1	Trung tâm Văn hóa thể thao xã	xã Sơn Cẩm Hà				40,000		40,000			40,000						40,000		40,000		40,000	0	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân hướng đến xây dựng xã NTM nâng cao	
b2	Xây mới nhà văn hóa, khu thể thao 20 thôn	xã Sơn Cẩm Hà				40,000		40,000			40,000						40,000		40,000		40,000	0	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân hướng đến xây dựng xã NTM nâng cao	
b13	Chỉnh trang, mở rộng khu công viên trung tâm xã	xã Sơn Cẩm Hà				25,000		25,000			25,000						25,000		25,000		25,000	0	Nâng cao chất lượng không gian công cộng, cải thiện cảnh quan, góp phần phục vụ đời sống dân sinh	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030					-	-	-			-	-	-	-	-		-	-	-		-	-		
7	PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH					3,000	-	3,000	-		3,000	-	-	-	-		3,000	-	3,000	-	3,000	-		
b1	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030					3,000	-	3,000	-		3,000						3,000	-	3,000	-	3,000			
b1	Xây dựng hạ tầng thông tin truyền thanh xã	xã Sơn Cẩm Hà				3,000		3,000			3,000						3,000		3,000		3,000	0	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân hướng đến xây dựng xã NTM nâng cao	
8	THỂ DỤC THỂ THAO					-	-	-			-	-	-	-	-		-	-	-		-	-		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030					-	-	-			-	-	-	-	-		-	-	-		-	-		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030																							

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030						Bổ sung thông tin dự án (nếu có)	
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)						Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Phân theo chi phí			
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí		NSTW	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã		NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã	Xây lắp	ĐB, GPMB		
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác	Xây lắp												ĐB, GPMB
9	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						616,720	-	584,496			577,496	39,224	-	-	-		616,720	-	581,496		577,496	39,224	
10.1	NÔNG - LÂM - DIỆM NGHIỆP																							
10.2	THỦY LỢI - THỦY SẢN						17,500	-	17,500	-		17,500	-	-	-	-	-	17,500	-	17,500	-	17,500	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						17,500	-	17,500	-		17,500	-	-	-	-	-	17,500	-	17,500		17,500		
b3	Nạo vét, sửa chữa hồ ông Đậu	xã Sơn Cẩm Hà					2,500		2,500			2,500						2,500		2,500		2,500	0	Phục vụ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của Nhân dân
b4	Nạo vét và sửa chữa hồ Đồng Trê thôn 1, Tiên Sơn	xã Sơn Cẩm Hà					2,000		2,000			2,000						2,000		2,000		2,000	0	Phục vụ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của Nhân dân
b5	Xây dựng Trạm bơm sông Đa Bàn	xã Sơn Cẩm Hà					8,000		8,000			8,000						8,000		8,000		8,000	0	Phục vụ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của Nhân dân
b6	Nạo vét Hồ Thăng Lợi Tiên Sơn cũ	xã Sơn Cẩm Hà					5,000		5,000			5,000						5,000		5,000		5,000	0	Phục vụ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của Nhân dân
10.3	CÔNG NGHIỆP						27,000	-	27,000	-		26,000	1,000					27,000	-	27,000		26,000	1,000	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						27,000	-	27,000	-		26,000	1,000	-	-	-	-	27,000	-	27,000		26,000	1,000	
b1	Hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến đường ĐH9	xã Sơn Cẩm Hà					10,000		10,000			10,000	0					10,000		10,000		10,000	0	
b2	Xây dựng Trạm biến áp 100KAV, đường dây trung áp 22kv, đường dây hạ áp 0,4kv	xã Sơn Cẩm Hà					10,000		10,000			9,000	1,000					10,000		10,000		9,000	1,000	
b5	Hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến đường vào vùng sản xuất tập trung Tiên Châu - Tiên Hà	xã Sơn Cẩm Hà			532,220		7,000		7,000			7,000	0					7,000		7,000		7,000	0	
10.4	ĐÌNH CANH, ĐÌNH CƯ																							
10.5	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						532,220	-	501,996	30,224.000		503,996	28,224	-	-	-	-	532,220	-	498,996	33,224	503,996	28,224	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						532,220	-	501,996	30,224		503,996	28,224	-	-	-	-	532,220	-	498,996	33,224	503,996	28,224	
b1	BTH GTNT trên địa bàn toàn xã (theo danh mục các tuyến đính kèm)	xã Sơn Cẩm Hà					23,980		18,980	5,000		23,980	0					23,980		18,980	5,000	23,980	0	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân và tạo động lực phát triển KT-XH địa phương

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)							Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Bổ sung thông tin dự án			
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)					Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Phân theo chi phí		Sự cần thiết đầu tư (ngắn gọn)		
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn					Phân theo chi phí		NSTW		Ngân sách thành phố	Ngân sách xã	NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã		Xây lắp	ĐB, GPMB
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác		Xây lắp	ĐB, GPMB										
b2	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐT 614 qua trung tâm xã	xã Sơn Cẩm Hà					40,000		35,000	5,000		35,000	5,000				40,000		35,000	5,000	35,000	5,000	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân và tạo động lực phát triển KT-XH địa phương	
b3	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐT 615 qua trung tâm xã	xã Sơn Cẩm Hà					40,000		35,000	5,000		35,000	5,000				40,000		35,000	5,000	35,000	5,000	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân và tạo động lực phát triển KT-XH địa phương	
b4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH6	xã Sơn Cẩm Hà					42,240		38,016	4,224		38,016	4,224				42,240		38,016	4,224	38,016	4,224	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân và tạo động lực phát triển KT-XH địa phương	
b5	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH9	xã Sơn Cẩm Hà					53,000		50,000	3,000		50,000	3,000				53,000		50,000	3,000	50,000	3,000	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân và tạo động lực phát triển KT-XH địa phương	
b6	Đường vào vùng sản xuất tập trung liên xã Tiên Châu – Tiên Hà	xã Sơn Cẩm Hà					42,000		42,000			39,000	3,000				42,000		39,000	3,000	39,000	3,000	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân và tạo động lực phát triển KT-XH địa phương	
b7	Đường vào Khu du lịch Thác Ố Ố	xã Sơn Cẩm Hà					73,000		70,000	3,000		70,000	3,000				73,000		70,000	3,000	70,000	3,000	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân và tạo động lực phát triển KT-XH địa phương	
b8	Đường vào Khu di tích Chứng tích Vụ thảm sát Đồng Trại	xã Sơn Cẩm Hà					20,000		18,000	2,000		18,000	2,000				20,000		18,000	2,000	18,000	2,000	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b9	Đường vào thôn Cẩm Đông từ ĐT615 đến ĐT612	xã Sơn Cẩm Hà					43,000		40,000	3,000		40,000	3,000				43,000		40,000	3,000	40,000	3,000	Đáp ứng nhu cầu của Nhân dân và tạo động lực phát triển KT-XH địa phương	
b10	Đường vào Khu di tích Sư đoàn bộ binh 2	xã Sơn Cẩm Hà					5,000		5,000			5,000	0				5,000		5,000		5,000	0	Thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn	
b11	Đường Liên xã Sơn Cẩm Hà đi xã Đồng Dương	xã Sơn Cẩm Hà					9,000		9,000			9,000					9,000		9,000		9,000		Phục vụ đi lại cho người dân 02 xã, kết hợp đường lên di tích	
b12	Cầu Vũng Miếu	xã Sơn Cẩm Hà					9,000		9,000			9,000	0				9,000		9,000		9,000	0	Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa	
b14	Cầu sông Tiên	xã Sơn Cẩm Hà					42,000		42,000			42,000	0				42,000		42,000		42,000	0	Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa	
b15	Cầu Tài Thành	xã Sơn Cẩm Hà					42,000		42,000			42,000	0				42,000		42,000		42,000	0	Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa	
b16	Cầu ông Thọ	xã Sơn Cẩm Hà					4,500		4,500			4,500	0				4,500		4,500		4,500	0	Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)							Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025			Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030						Bổ sung thông tin dự án (nếu có)		
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)						Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Phân theo chi phí			
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí		NSTW	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã		NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã	Xây lắp		ĐB, GPMB	
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác	Xây lắp												ĐB, GPMB
b17	Cầu Ông Sơn	xã Sơn Cẩm Hà					9,000		9,000			9,000	0					9,000		9,000		9,000		Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa
b19	Cầu ông Vũ (của tuyến ĐT 614 ĐX 6)	xã Sơn Cẩm Hà					6,000		6,000			6,000	0					6,000		6,000		6,000		Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa
b20	Cầu Giao Thủy	xã Sơn Cẩm Hà					21,000		21,000			21,000	0					21,000		21,000		21,000		Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa
b21	Cổng Suối Tuần	xã Sơn Cẩm Hà					2,500		2,500			2,500	0					2,500		2,500		2,500		Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa
b22	Cổng ông Hội	xã Sơn Cẩm Hà					2,500		2,500			2,500	0					2,500		2,500		2,500		Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa
b23	Cổng Ông Công	xã Sơn Cẩm Hà					2,500		2,500			2,500	0					2,500		2,500		2,500		Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa
10.6	CÁP, THOÁT NƯỚC						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	
10.7	HÀ TÀNG KỸ THUẬT, KDC						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	
7	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN																							
10.8	THƯƠNG MẠI						40,000	-	38,000	2,000		30,000	10,000	-	-	-	-	40,000	-	38,000	2,000	30,000	10,000	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																							
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						40,000	-	38,000	2,000		30,000	10,000	-	-	-	-	40,000	-	38,000	2,000	30,000	10,000	
b1	Xây dựng chợ Sơn Cẩm Hà	xã Sơn Cẩm Hà					40,000		38,000	2,000		30,000	10,000					40,000		38,000	2,000	30,000	10,000	Phát triển thương mại dịch vụ, phát triển quỹ đất, bố trí tái định cư
10.9	DU LỊCH						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																							
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	
11	HOẠT ĐỘNG QLNN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ HỘI ĐOÀN THỂ						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030						-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030																							

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án (*)								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025				Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030						Bổ sung thông tin đề xuất
						Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư (*)							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn			Phân theo chi phí		Sự cần thiết đầu tư (ngắn gọn)
							Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Phân theo chi phí			NSTW	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã		NSTW	NS thành phố	Ngân sách xã	Xây lắp	ĐB, GPMB	
								NSTW	NS thành phố	NS xã	Huy động khác	Xây lắp	ĐB, GPMB											
12	BẢO ĐẢM XÃ HỘI	0	0	0	0	0	27,000	0	25,000	2,000		25,000	2,000	0	0	0	0	27,000	-	25,000	2,000	25,000	2,000	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																							
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		-	-	-	-	27,000	-	25,000	2,000		25,000	2,000	-	-	-	-	27,000	-	25,000	2,000	25,000	2,000	
b1	Điền bố trí tái định cư vùng sạt lở Đồng Lãng	xã Sơn Cẩm Hà					27,000		25,000	2,000		25,000	2,000					27,000		25,000	2,000	25,000	2,000	

ĐVT: triệu đồng

[illegible]

31,465

5

0.5

78.8

25

21

18.2

6,700,000,000

173

 		
 	 	
Phù hợp Qh xã NTM	Mở rộng, xây dựng khuôn viên, tượng đài, trùng tu di tích	
Phù hợp Qh xã NTM	Mở rộng, xây dựng tường rào, khuôn viên	
Phù hợp Qh xã NTM	Mở rộng, xây dựng tường rào, khuôn viên	
Phù hợp Qh xã NTM	Mở rộng, xây dựng đường vào, tường rào, khuôn viên	
Phù hợp Qh xã NTM	Mở rộng, xây dựng, tường rào, chỉnh trang khuôn viên	
Phù hợp Qh xã NTM	Xây dựng cổng chào trên tuyến ĐT614, ĐT615	
Phù hợp Qh xã NTM	Tường rào, cổng, nhà bia, mộ chí	
Phù hợp Qh xã NTM	Tường rào, cổng, nhà bia, mộ chí	
Phù hợp Qh xã NTM	Tường rào, cổng, nhà bia, mộ chí	
Phù hợp Qh xã NTM	Tường rào, cổng, nhà bia, mộ chí	

Đối với các dự án đầu tư mới giai đạn 2026 - 2030		Ghi chú
Sự phù hợp Quy hoạch, kế hoạch và văn bản chỉ đạo (nếu có)	Sơ bộ quy mô đầu tư	
	chiều dài 7km, đèn led90W và hệ thống phụ	
	chiều dài 1,186km, đèn led90W và hệ	
		24,285,000.000

Đối với các dự án đầu tư mới giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
Sự phù hợp Quy hoạch, kế hoạch và văn bản chỉ đạo (nếu có)	Sơ bộ quy mô đầu tư	
Phù hợp Qh xã NTM	Dài 2Km, mặt đường BTXM rộng 7,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Dài 2Km, mặt đường BTXM rộng 7,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Dài 7,04km; mặt đường bê tông nhựa rộng 5,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Dài khoảng 8km; mặt đường BTXM rộng 5,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Tổng chiều dài tuyến 7,0km, mặt đường BTXM 5,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Dài khoảng 5km; mặt đường BTXM rộng 5,5-7,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Dài 1,2km; rộng 5,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Dài 4km; rộng 5,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Dài 0,5km; rộng 5,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Dài 2,5km; rộng 5,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Cầu BTCT dài 30m, rộng 7,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Cầu dầm BTCT dài 140m, rộng 7,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Cầu dầm BTCT dài 140m, rộng 7,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Cầu BTCT dài 15m, rộng 7,5m	

 		Ghi chú
Sự phù hợp Quy hoạch, kế hoạch và văn bản chỉ đạo (nếu có)	Sơ bộ quy mô đầu tư	
Phù hợp Qh xã NTM	Cầu BTCT dài 30m, rộng 7,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Cầu BTCT dài 20m, rộng 7,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Cầu dầm BTCT dài 70m, rộng 7,5m	
Phù hợp Qh xã NTM	Cổng BTCT (cổng 3 (3mx3m)	
Phù hợp Qh xã NTM	Cổng BTCT (cổng 3 (3mx3m)	
Phù hợp Qh xã NTM	Cổng BTCT (cổng 3 (3mx3m)	
Phù hợp Qh xã NTM	Xây dựng chợ, hệ thống PCCC, vệ sinh môi trường, bãi đỗ xe, khu dân cư	

